TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2019
V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Kim Nguyên
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Tĩnh
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa Bà Lê Thu Trang **-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tri - Kiểm sát viên

Ngày 12/11/2019; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2019/QĐ – HPT ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Đ, sinh năm 1988;
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986;
Các đương sự đều trú tại: Khu 8, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
(Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Hà Thị Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 05/11/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh T đã sống ly thân và hiện nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 14/8/2011. Hiện nay cháu Hoa đang sống cùng với mẹ đẻ của anh T là bà Bùi Thị H ở khu 8, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ vì cả hai vợ chồng bận

làm ăn và đã thống nhất giao cháu H cho bà H trông nom, chăm sóc giúp hai vợ chồng; khi ly hôn, chị Đ xin nuôi cháu H vì chị xác định tự thu xếp công việc về gần nhà làm ăn để có điều kiện chăm sóc con chung là cháu H; còn anh T hiện nay đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà, chị và gia đình bố mẹ đẻ anh T cũng không nắm được cụ thể anh làm ăn ở đâu, công việc gì, thu nhập ra sao nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn T: Quá trình giải quyết Tòa án nhân huyện Lâm Thao đã tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, báo anh T đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao làm việc, nhưng anh T cố tình không đến Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Văn T. Bị đơn là anh T nơi cư trú tại: Khu 8, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Chị Hà Thị Đ đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với anh Nguyễn Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh T cố tình không hợp tác, việc anh T cố tình trốn tránh không đến Tòa có nghĩa là anh đã từ chối quyền được trình bày tại Toà và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh T là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Xem xét quan hệ hôn nhân chị Đ và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Đ, anh T tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Như vậy, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Đ cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T. Sau khi xem xét đơn ly hôn của chị Đ và các tài liệu chứng cứ Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống chung của chị Đ và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Đ trình bày là do vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm gì đến cuộc sống chung của vợ chồng. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa, cũng không liên lạc hỏi han gì đến chị và con chung. Đồng thời, qua xác minh tại UBND xã S được đại diện chính quyền địa phương cũng xác định chị Đ và anh T thì hiện nay anh chị đã sống ly thân, anh T hiện vắng mặt tại địa phương, anh đi đâu, làm gì thì chính quyền địa phương không nắm được. Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của anh T nhưng xét

thấy thực tế hiện nay chị Đ và anh T đã sống ly thân, hai người không còn quan tâm đến nhau, không cùng nhau xây dựng, giữ gìn cuộc sống chung của vợ chồng điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị Đ, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị Đ ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Đ xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 14/8/2011; khi ly hôn, chị Đ xin nuôi cháu H. Xét thấy yêu cầu của chị Đ là phù hợp bởi lẽ phía anh T hiện nay đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà, không rõ hiện tại anh làm ăn ở đâu, công việc gì, thu nhập ra sao, nguyện vọng của anh chỉ được thể hiện thông qua lời khai của mẹ đẻ của anh là bà H là anh có nguyện vọng được nuôi con chung, khi anh đi làm vắng thì đề nghị được giao con chung cho bà H chăm nom cháu H thay anh. Còn chị Đ có thể sắp xếp được công việc, có thời gian, điều kiện để ở gần và trực tiếp chăm sóc con chung một cách tốt nhất về vật chất, tinh thần. Nên cần giao cháu H cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy đó là sự tự nguyện của chị Đ là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Đ xác định không có không đề nghị Tòa án giải quyết. Mặt khác anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung, công nợ, công sức trong vụ án này.

[4] Về án phí: Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ xử:

Cho chị Hà Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 14/8/2011 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Đ vì chị Đ không yêu cầu.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc cháu Hoa không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Đ không đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luất Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 14/8/2011 cho chị Hà Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H cho đến khi cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Đ. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002510 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L Lâm Thao.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Lâm Thao*
- *CQ THA dân sự H. Lâm Thao*
- *Đương sự;*
- *UBND xã S, H. L*
- *Lưu HS vụ án*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Kim Nguyên